

Số: 399/BC-CCTTBVTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 10 tháng 4 năm 2024 đến ngày 16 tháng 4 năm 2024)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Có mây, đêm không mưa, ngày nắng nóng và nắng nóng gay gắt. Gió đông đến đông nam cấp 2 - 3. Nhiệt độ thấp nhất từ 25°C - 28°C, nhiệt độ cao nhất từ 35°C - 38°C, có nơi trên 38°C.

Dự báo tuần tới: Từ đêm 16 đến ngày 18/4: đêm không mưa, ngày nắng nóng và nắng nóng gay gắt. Từ đêm 18/4 đến ngày 23/4: có nắng nóng và nắng nóng gay gắt.

Nhiệt độ trung bình từ: 29°C - 30°C. Giá trị tổng lượng mưa 5 - 10 mm.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

a) Cây lúa

STT	Vụ Đông xuân 2023 - 2024		Vụ Hè thu 2024	
	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)
1	Mạ	-	Mạ	981,0
2	Đẻ nhánh	-	Đẻ nhánh	82,0
3	Làm đòng	-	Làm đòng	-
4	Trổ	-	Trổ	-
5	Chín	10,0	Chín	-
6	Thu hoạch	4.247,0	Thu hoạch	-
	Tổng	4.257,0	Tổng	1.063,0

b) Cây trồng khác

Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)	Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)
1. Cây rau vụ Hè thu 2024		1.176,7	2. Hoa, cây kiểng		1.742
- RALNN	Nhiều giai đoạn	209,0	Hoa lan	Nhiều giai đoạn	305
- RALDN	-	-	Hoa mai	Nhiều giai đoạn	810
- RCQNN	Nhiều giai đoạn	37,8	3. Cây lương thực		-
- RCQDN	Nhiều giai đoạn	35,7	Bắp	-	-
- Rau gia vị	Nhiều giai đoạn	45,9	Khoai mì	-	-
- Rau thủy sinh	Nhiều giai đoạn	96,1	4. Cây công nghiệp		1.319,5
- RMN	Nhiều giai đoạn	273,7			

Ghi chú: DTGT: Diện tích gieo trồng; RALNN: Rau ăn lá ngắn ngày; RALDN: Rau ăn lá dài ngày; RCQNN: Rau củ quả ngắn ngày; RCQDN: Rau củ quả dài ngày; RMN: Rau muống nước;

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Số liệu theo dõi rầy nâu vào bẫy đèn trên lúa (con/bẫy/đêm)

TT	HUYỆN	XÃ	Ngày vào đèn						
			09/4	10/4	11/4	12/4	13/4	14/4	15/4
1	Cù Chi	Thái Mỹ	29	32	41	57	43	28	19
		Trung Lập Thượng	15	16	12	9	6	10	-

III. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Mật độ, tỷ lệ sinh vật gây hại chủ yếu

a) Trên cây lúa vụ Hè thu 2024

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Bọ trĩ	3-6			T1-3	CC, HM
2	OBV	2-4			Các giai đoạn	CC, HM
3	Chuột	3-5			Các giai đoạn	CC

b) Trên cây rau

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Bọ nhậy	10-20			1-5	HM, Q12, BC, BT
2	Sâu xanh	5-10			1-5	HM, Q12, BC, BT, CC
3	Sâu tơ	10-25			1-5	HM, Q12, BC, BT, TĐ
4	Dòi đục lá	15-30%			1-5	HM
5	Sâu đục trái	5-10%			1-5	BC
6	Sâu ăn tạp	3-10			1-5	HM, Q12, BC, BT, CC
7	Bọ trĩ	15-30%			1-5	BC
8	Rầy mềm	15-30%			1-5	BC, BT
9	Rầy xanh	3-7			1-5	BC
10	Rầy xám	100->500			1-5	HM, Q12
11	Sâu đục đọt	5-10			1-5	BC
12	Bọ xít đen	5-10			1-5	TĐ
13	Ruồi đục trái	5-10%			1-5	BC
14	OBV	3-30			Các giai đoạn	TĐ, HM, Q12
15	Ốc sên	3-6			Các giai đoạn	Q12, BC
16	Tnhũn/r.cải	5-10%			1-3	HM, Q12, BC
17	Rỉ trắng/RM	2-5%			1-3	TĐ, HM, Q12, BC, BT
18	Đốm lá	5-10%			1-3	BC, HM, Q12
19	Ph. vàng/dưa leo, khổ qua	5-7			1-3	HM
20	Vàng lá	2-10			1-3	TĐ, HM

2. Nhận xét tình hình sinh vật gây hại trong kỳ

a) Cây lúa

- Vụ Đông xuân 2023 - 2024: Diện tích lúa đã thu hoạch chiếm 99,8% diện tích gieo trồng, nên tình hình sinh vật hại trên đồng ruộng không đáng kể.

- Vụ Hè thu 2024: Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa là 164,3 ha, tăng 81,1 ha so với tuần trước. Diện tích nhiễm tập trung tại huyện Củ Chi, Hóc Môn với sinh vật hại chủ yếu là bọ trĩ, ốc bươu vàng và chuột ở mức nhiễm nhẹ.

b) Cây rau

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên cây rau trong tuần qua 279,2 ha, tăng 58,7 ha so với tuần trước. Trong đó diện tích phòng trừ là 172,1 lượt ha, chiếm 61,6% diện tích nhiễm sinh vật hại. Các sinh vật hại chủ yếu là sâu ăn tạp, sâu xanh, bọ nhảy, rầy xám, sâu tơ, ốc bươu vàng, bệnh rỉ trắng. Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

- Sâu ăn tạp: Diện tích 43,5 ha, tăng 7,3 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Củ Chi, Bình Chánh, Quận 12.

- Sâu xanh: Diện tích nhiễm 18,0 ha, tăng 3,5 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Bình Chánh, Củ Chi.

- Bọ nhảy: Diện tích nhiễm 17,9 ha, tăng 0,8 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Bình Chánh.

- Rầy xám: Diện tích nhiễm 15,1 ha, tăng 3,9 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Quận 12, thành phố Thủ Đức.

- Sâu tơ: Diện tích nhiễm 11,9 ha, tăng 1,0 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Bình Chánh, Quận 12, thành phố Thủ Đức.

- Ốc bươu vàng: Diện tích nhiễm 129,6 ha, tăng 39,4 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Quận 12, thành phố Thủ Đức.

- Bệnh rỉ trắng: Diện tích 14,0 ha, tăng 1,6 ha so với tuần trước. Phân bố chủ yếu ở huyện Hóc Môn, Bình Chánh, Quận 12, thành phố Thủ Đức.

c) Cây trồng khác

Cây dứa: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu đầu đen (*Opisina arenosella*) gây hại trên cây dứa.

IV. DỰ BÁO SINH VẬT GÂY HẠI VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

1. Dự báo sinh vật gây hại chủ yếu trong kỳ tới

a) Cây lúa

- Rầy nâu trên đồng tuổi 4 - 5 xuất hiện với mật số thấp. Chú ý thăm đồng thường xuyên, theo dõi chặt chẽ diễn biến của rầy trên đồng để kịp thời đưa ra biện pháp quản lý. Các địa phương chuẩn bị xuống giống lúa Hè Thu 2024 cần chuẩn bị giống tốt, làm đất kỹ, theo dõi tình hình rầy vào đền, khí tượng thủy văn tại địa phương để xuống giống “né rầy”, hạn chế thiệt hại do điều kiện thời tiết bất lợi gây ra.

- Ốc bươu vàng: gây hại trên lúa Hè Thu 2024 mới xuống giống, đặc biệt trên các chân ruộng thấp, trũng, khó thoát nước. Triển khai các biện pháp quản lý ốc bươu vàng trên diện rộng để mang lại hiệu quả phòng trừ cao. Đặt lưới, phen tre chặn ở cống, bọng dẫn nước để ngăn chặn ốc lây lan, cắm các cọc tre, sậy ở những chỗ ngập nước, mương kênh tưới để thu hút ốc đến đẻ trứng và thu gom ổ trứng đem tiêu hủy dễ dàng.

- Các loại sâu hại: Thăm đồng thường xuyên, theo dõi sát diễn biến của sâu hại trên đồng, cần lưu ý đến sâu phao, bọ trĩ ở giai đoạn mạ, đẻ nhánh.

- Các đối tượng khác xuất hiện gây hại với tỷ lệ và mật số không cao.

b) Cây rau

- Rau ăn lá: Cần chú ý các loài sâu hại phổ biến như bọ nhảy, sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, rầy xám, bọ trĩ. Ngoài ra cần chú ý phòng trị một số bệnh như bệnh gỉ trắng trên cây rau muống, bệnh đốm lá, vàng lá.

- Rau ăn quả: Lưu ý các sinh vật hại phổ biến như sâu ăn tạp, sâu xanh, ruồi đục trái, rầy mềm, đốm lá, vàng lá.

c) Cây trồng khác

Cây dứa: lưu ý các đối tượng như bọ cánh cứng, bọ vòi voi, sâu đầu đen.

Ngoài ra, cũng cần lưu ý đến bệnh rụng lá đốm tròn trên cây cao su; bệnh Greening, và sâu đục trái trên cây có múi; Sâu đục thân, rệp sáp, rầy dầu vàng trên các ruộng mía giai đoạn đẻ nhánh tích cực và vươn lóng.

2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ sinh vật gây hại chủ yếu trong kỳ tới

- Theo dõi diễn biến sinh vật gây hại trên đồng ruộng và tình hình sản xuất cây trồng vụ Hè thu năm 2024.

- Thường xuyên cử cán bộ kỹ thuật theo dõi, bám sát đồng ruộng, điều tra nắm bắt kịp thời tình hình sinh vật hại để phòng trị kịp thời, tránh sâu hại lây lan và gây hại trên diện rộng, ảnh hưởng đến năng suất.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 của Bộ trưởng về tăng cường chỉ đạo phòng chống sâu keo mùa thu hại ngô, giám sát Phòng chống hiện tượng lùn xoắn lá ngô; Theo dõi chặt chẽ diễn biến của sâu keo mùa thu hại ngô, áp dụng Quy trình kỹ thuật phòng, chống sâu keo mùa thu do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành tại Quyết định số 218/QĐ-BNN-BVTV ngày 16/01/2020.

- Thực hiện tốt Công văn 2033/BVTV-TV ngày 9 tháng 8 năm 2023 về việc tăng cường công tác bảo vệ thực vật trong sản xuất lúa của Cục Bảo vệ thực vật.

- Thực hiện Chỉ thị số 1900/CT-BNN-BVTV ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tổ chức thực hiện công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất trồng trọt.

- Trên nhóm cây có múi áp dụng các biện pháp quản lý trong quy trình phòng trừ bệnh greening và sâu đục trái cây có múi đã được ban hành. Khuyến cáo áp dụng biện pháp bao trái để phòng ngừa sâu đục trái gây hại./. *le*

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV Phía Nam;
- Sở NN và PTNT (phòng KHCVN);
- UBND TP. Thủ Đức;
- UBND huyện: CC, HM, BC, NB, CG;
- UBND Quận: 7, 12, Bình Tân;
- Chi cục TTBVTV các tỉnh phía Nam;
- Hội Nông dân Thành phố;
- Trung tâm Khuyến nông;
- Ban lãnh đạo Chi Cục;
- Phòng: BVTV, TT;
- Trạm TTBVTV;
- Lưu: VT, BVTV.ĐTH (01).

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



Trương Công Lực

Phụ lục I
TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY LÚA VỤ HÈ THU NĂM 2024
(Kèm theo Báo cáo số: **399/BC-CCTTBTV**, ngày **17** tháng **H** năm 2024 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiệm (ha)			Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ-Tb	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Bộ trĩ	48,3			48,3	31,2	90		CC, HM
2	Sâu phao	-			-	-	18		-
3	OBV	62,0			62,0	25	73		CC, HM
4	Chuột	54,0			54,0	27	71		CC
	Tổng	164,3			164,3	83,2	252,0		

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Phụ lục II

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU TRÊN CÂY RAU

(Kèm theo Báo cáo số: 009/BC-CCTTBVT, ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)			Tổng DTN (ha)	Số sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ-Tb	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Bọ nhảy	17,9			17,9	17,1	17,4	13,8	HM, Q12, BC, BT
2	Sâu xanh	18,0			18,0	14,5	22,6	13,9	HM, Q12, BC, BT, CC
3	Sâu tơ	11,9			11,9	10,9	10,9	8,3	HM, Q12, BC, BT, TĐ
4	Dòi đục lá	0,1			0,1	0,1	0,2	0,1	HM
5	Sâu đục trái	1,8			1,8	1,8	1,8	1,8	BC
6	Sâu ăn tạp	43,5			43,5	36,2	52,6	28,2	HM, Q12, BC, BT, CC
7	Bọ trĩ	0,6			0,6	0,6	0,8	0,6	BC
8	Rầy mềm	1,2			1,2	1,1	1,3	1,1	BC, BT
9	Rầy xanh	0,5			0,5	0,5	0,4	0,3	BC
10	Rầy xám	15,1			15,1	11,2	18,9	7,9	HM, Q12
11	Sâu đục đọt	0,7			0,7	0,7	1,1	0,7	BC
12	Bọ xít đen	4,0			4,0	4,0	4,0		TĐ
13	Ruồi đục trái	4,4			4,4	4,2	4,6	4,4	BC
14	OBV	129,6			129,6	90,2	169,0	70,6	TĐ, HM, Q12
15	Ốc sên	0,60			0,60	0,6	0,60	0,5	Q12, BC
16	Tnhũn/r.cài	4,8			4,8	4,7	3,7	3,0	HM, Q12, BC
17	Rỉ trắng/RM	14,0			14,0	12,4	18,7	9,9	TĐ, HM, Q12, BC, BT
18	Đóm lá	4,4			4,4	4,2	7,0	3,2	BC, HM, Q12
19	Ph.vàng/dưa leo, khó qua	0,3			0,3	0,2	1,1	0,2	HM
20	Vàng lá	5,8			5,8	5,3	5,8	3,6	TĐ, HM
	Tổng	279,2			279,2	220,5	342,5	172,1	

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT